

Vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong học tập và giáo dục người lớn

Bùi Thanh Xuân¹, Dương Thị Oanh²

¹ Email: bthanhxuan@gmail.com

² Email: duongthioanh82@gmail.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Số 04 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Thuyết đa trí tuệ ra đời đã đi vào thực tiễn đời sống giáo dục của nhiều nước. Nhiều nhà trường hiện nay đang dùng thuyết đa trí tuệ làm khung hành động hoặc tư tưởng chỉ đạo cho các hoạt động giáo dục của mình. Người dạy đã có những hiểu biết và vận dụng thuyết này vào công việc của mình, góp phần làm thay đổi quan điểm và phương pháp dạy học theo hướng tích cực. Mỗi dạng trí tuệ sẽ có các phương pháp dạy học phù hợp. Người dạy trong lớp học đa trí tuệ cần biết cách vận dụng sáng tạo và phối hợp linh hoạt các phương pháp với nhau. Không chỉ đối với trẻ em, việc vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào học tập người lớn cũng vô cùng quan trọng. Người lớn có những đặc điểm riêng trong cách học, điều kiện học tập, nên vận dụng Thuyết đa trí tuệ một cách phù hợp sẽ góp phần khắc phục những trở ngại và phát huy được các ưu điểm trong học tập và giáo dục người lớn.

TỪ KHÓA: Đa trí tuệ; học tập và giáo dục người lớn; phương pháp dạy học.

→ Nhận bài 16/9/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 25/10/2019 → Duyệt đăng 25/11/2019.

1. Đặt vấn đề

Thuyết đa trí tuệ do Howard Gardner khởi xướng đã tồn tại gần bốn mươi năm. Hiện nay, học thuyết này đã bước vào đời sống thực tiễn và được ứng dụng khá rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục (GD). Thuyết đa trí tuệ không còn xa lạ trong dạy học ở nhà trường phổ thông cũng như đối với các giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường. Ở Việt Nam, thuyết này còn được biết đến với những tên gọi khác như: Thuyết đa trí tuệ, đa năng lực, lý thuyết trí khôn nhiều thành phần, thuyết trí thông minh đa chiều/đa diện... Một số trường học của Việt Nam đã và đang ứng dụng lý thuyết này trong các hoạt động của mình, từ GD mầm non đến đại học, từ dạy học các môn khoa học tự nhiên đến các môn xã hội và đã đạt được những thành công nhất định [1]. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới GD nói chung, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) nói riêng ở nước ta hiện nay, Thuyết đa trí tuệ tiếp tục được nghiên cứu, vận dụng nhiều hơn vào các hoạt động dạy học đa dạng từ bậc Mầm non đến phổ thông và sau phổ thông. GD và học tập (HT) của người lớn cũng là một lĩnh vực mà Thuyết đa trí tuệ có thể chứng minh tính hữu ích của mình khi ứng dụng vào việc thay đổi PPDH đối với học viên người lớn hay cải tiến cách đánh giá kết quả HT của họ. Với những đặc thù riêng của lĩnh vực này và những đặc trưng trong việc học của người lớn, việc tiếp cận, vận dụng Thuyết đa trí tuệ thực sự quan trọng và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu khái quát về Thuyết đa trí tuệ

Từ khi ra đời năm 1983 cho đến nay, Thuyết đa trí tuệ của nhà tâm lý học Mĩ Howard Gardner đã được nghiên cứu và ứng dụng vào các hoạt động với cấp độ khác nhau ở

nhiều nước trên thế giới. Một số quốc gia và tổ chức quốc tế đã ứng dụng Thuyết đa trí tuệ vào việc hoạch định chính sách (như Australia, Canada, Trung Quốc,...) [2]. Thuyết này còn là đối tượng nghiên cứu học thuật trong các trường đại học trên thế giới, phát huy tác dụng trong đời sống văn hóa quần chúng ở nhiều nước (Ví dụ, ở Trung Quốc, Hội GD đa trí tuệ vận động quảng bá Thuyết đa trí tuệ thông qua hội thảo, bài báo, truyền thanh, truyền hình,... Đan Mạch đã xây dựng “công viên đa chủ đề”, bảo tàng tương tác đa trí tuệ;...). Đặc biệt, Thuyết đa trí tuệ được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực GD và đối với những lứa tuổi khác nhau. Thuyết này đã được tích hợp vào các sáng kiến GD quy mô quốc gia tại nhiều nước và tác động tích cực đến hiệu quả GD cũng như tới chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên và các trường/lớp đã ứng dụng nó vào hoạt động của mình.

Quan điểm truyền thống thường cho rằng, trí tuệ con người chủ yếu bao gồm năng lực ngôn ngữ và năng lực toán học (logic), trong khi Thuyết đa trí tuệ cho rằng: “Thông minh là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc đưa ra những sản phẩm mới có giá trị trong một hay nhiều nền văn hóa khác nhau” [3]. Nghiên cứu ban đầu của Gardner đưa ra bảy dạng trí thông minh, gồm: Thông minh về ngôn ngữ, thông minh toán học, thông minh âm nhạc, thông minh thể chất, thông minh hội họa không gian, thông minh nội tâm, thông minh về giao tiếp xã hội. Những năm sau đó, ông bổ sung thêm hai dạng trí thông minh nữa: trí thông minh hướng về thiên nhiên (naturalist) - người có khả năng HT thông qua hệ thống sắp xếp, phân loại, yêu thích thiên nhiên, các hoạt động ngoài trời và trí thông minh về sự tồn tại (hoặc trí thông minh hiện sinh - existential) - người có khả năng HT thông qua việc thấy bức tranh tổng thể, thông qua những

câu hỏi như “Tại sao chúng ta tồn tại ở đây?”, “Vai trò của tôi trong thế giới này là gì?”, “Vai trò của tôi trong gia đình, nhà trường và cộng đồng là gì?...”

Trong cuốn sách “Đa trí tuệ trong lớp học”, Armstrong (2011) phân chia năng lực con người theo 8 loại trí tuệ khác nhau, mỗi loại có những đặc điểm riêng, tương ứng với khả năng, tính cách của từng cá nhân trong xã hội.

2.1.1. Tóm tắt về 8 dạng trí tuệ

Theo Thuyết đa trí tuệ, mỗi người đều có đủ 8 dạng trí tuệ và ở các mức độ khác nhau. Các dạng trí tuệ trong mỗi người đều có những biểu hiện rất đa dạng và phong phú, được mô tả một cách ngắn gọn như sau [2]:

(1) *Trí tuệ ngôn ngữ*: Là khả năng sử dụng có hiệu quả các từ ngữ, hoặc bằng lời nói hoặc bằng chữ viết. Ví dụ: Thích đọc sách, trò chơi chữ, kể chuyện, viết lách tốt; phát âm chuẩn, vốn từ phong phú, nói chuyện lôi cuốn, có thể thuyết phục người khác bằng lời,...

(2) *Trí tuệ logic - toán học*: Là khả năng sử dụng có hiệu quả các con số và lí luận về logic, trật tự một cách thông thạo: Tính nhẩm nhanh, thích thú làm việc và vui chơi với các con số; Thích toán, các trò chơi đòi hỏi động não, tư duy logic; Thích tìm ra các bố cục, quy luật và trình tự các đồ vật, thích làm thí nghiệm, quan tâm đến các vấn đề khoa học tự nhiên,...

(3) *Trí tuệ không gian*: Là khả năng tiếp cận một cách chính xác thế giới không gian qua thị giác: Nhạy cảm về màu sắc, đường nét, hình dạng và tương quan giữa chúng; Biết và thích vẽ; Đọc bản đồ, biểu đồ, sơ đồ và tranh ảnh dễ dàng hơn từ ngữ;...

(4) *Trí tuệ hình thể - động năng*: Là sự thành thạo và khéo léo trong việc sử dụng toàn bộ cơ thể để thể hiện các ý tưởng, cảm xúc và hoạt động nào đó: thích chơi và chơi tốt thể thao, làm thủ công tốt; Khó ngồi yên một chỗ trong thời gian dài; Thích các trò chơi sôi động, tháo gỡ rồi lắp ghép các đồ vật;...

(5) *Trí tuệ âm nhạc*: Là khả năng cảm nhận, phân biệt, biến đổi và thể hiện các hình thức âm nhạc: Nhạy cảm với nhịp điệu, âm sắc, âm tần của một bản nhạc; Nhớ được giai điệu các bài hát; Thích hát và hát hay, biết chơi nhạc cụ; Thích gõ nhịp hay hát khể một mình khi làm việc, học hành; ...

(6) *Trí tuệ giao tiếp*: Là khả năng cảm nhận và phân biệt giữa các tâm trạng, ý đồ, động cơ và cảm nghĩ của người khác; Thích tham gia các hoạt động tập thể, thoải mái, tự tin giữa đám đông, biết chia sẻ, quan tâm đến người khác và cũng được người khác chia sẻ, khuyến bảo;....

(7) *Trí tuệ nội tâm*: Là khả năng hiểu biết bản thân và hành động một cách thích hợp trên cơ sở tự hiểu mình: Biết rõ ưu điểm, hạn chế của mình; Ý thức đầy đủ và đúng về tâm trạng, động cơ, tính khí, ước mơ của bản thân; Khả năng tự kiểm chế, tự kiểm soát, lòng tự trọng;....

(8) *Trí tuệ tự nhiên học*: Là khả năng nhận dạng, phân loại các loài sinh vật; Hiểu biết về các hiện tượng thiên nhiên; thích dã ngoại, chăm sóc con vật; Thích tìm hiểu về

thiên nhiên; Tham gia tích cực các đề án về thiên nhiên và bảo vệ môi trường;....

Dù là trẻ em hay người lớn, ai cũng đều bộc lộ những biểu hiện khác nhau của các dạng trí tuệ trên ở một mức độ nhất định. Nếu được phát hiện, động viên, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời, đồng thời có cơ hội và được tạo các điều kiện thuận lợi thì mỗi người đều có thể phát triển cả 8 dạng trí tuệ đến một mức độ cao nhất có thể. Các dạng trí tuệ luôn tương tác với nhau, không có loại trí tuệ nào tồn tại một cách đơn lẻ trong mỗi con người. Vì vậy, trong HT và GD đối với tất cả mọi người (bao gồm cả trẻ em và người lớn), cần có môi trường và các điều kiện để phát hiện, tôn trọng, bồi dưỡng và phát triển các dạng trí tuệ.

2.1.2. Ý nghĩa của việc áp dụng Thuyết đa trí tuệ trong học tập và giảng dạy nói chung

Thuyết đa trí tuệ ra đời đã được các nhà GD nghiên cứu và áp dụng một cách khoa học, sáng tạo vào nhiều lĩnh vực và hoạt động của nhà trường, từ chiến lược xây dựng và triển khai mục tiêu, chương trình GD; Xây dựng môi trường/cảnh quan trường học, lớp học, công tác quản lí lớp học; Đánh giá kết quả đầu ra, cho đến nhận thức và hành động của mỗi giáo viên [2]. Đặc biệt, một trong những đóng góp lớn nhất mà Thuyết đa trí tuệ mang lại là sự tác động đến việc đổi mới PPDH của giáo viên, đổi mới cách nhìn nhận năng lực người học, bao gồm cả việc soạn giáo án theo lí Thuyết đa trí tuệ để phù hợp và khuyến khích tư duy của mọi người học.

Thuyết đa trí tuệ đã gợi mở ra rất nhiều PPDH tích cực. Có những phương pháp đã được giáo viên có kinh nghiệm sử dụng từ lâu, hoặc giáo viên đã sử dụng một cách ngẫu nhiên, nhưng chưa hiểu rõ bản chất của phương pháp chính là sự vận dụng Thuyết đa trí tuệ. Trong những trường hợp khác, Thuyết đa trí tuệ đã tạo cơ sở, định hướng cho giáo viên thực hiện đổi mới PPDH bằng nhiều cách khác nhau.

Không thể phủ nhận hoàn toàn vai trò của các PPDH truyền thống. Các phương pháp này cũng góp phần phát triển ở người học một số dạng trí tuệ nhất định (như trí tuệ ngôn ngữ, logic-toán học). Tuy nhiên, nhiều giáo viên đã lạm dụng các PPDH mang tính “một chiều” trong một thời gian dài, trên lớp chỉ có giáo viên nói cho học sinh nghe theo kiểu “mệnh lệnh” hoặc “độc thoại”. Phần lớn thời gian trên lớp, người học thụ động nghe, đọc, viết và ghi nhớ máy móc, trả lời, đáp ứng các câu hỏi, các bài tập đã áp đặt sẵn trong sách giáo khoa hay tài liệu tham khảo.

Người dạy khi đã hiểu rõ bản chất của Thuyết đa trí tuệ, họ sẽ là người tự giác và tích cực đổi mới các PPDH theo hướng khai phá tiềm năng của người học, góp phần “thức tỉnh” các dạng trí tuệ tiềm ẩn của người học. Mỗi dạng trí tuệ sẽ có các PPDH phù hợp và đặc trưng. Ví dụ: Các PPDH phù hợp với dạng trí tuệ ngôn ngữ gồm có kể chuyện, động não, viết nhật kí,..., hoặc đối với dạng trí tuệ không gian thì có các phương pháp: vẽ tranh, lập mã bằng màu sắc, biểu tượng bằng đồ thị, sơ đồ tư duy...; các phương pháp góp phần phát huy dạng trí tuệ giao tiếp như thảo luận nhóm,

làm việc theo cặp đôi,... Hiểu biết về các dạng trí tuệ khác nhau còn giúp cho giáo viên thay đổi cách nhìn nhận, đánh giá về khả năng, phong cách HT đa dạng của người học, tránh sự áp đặt những cách học, cách dạy không phù hợp với đặc điểm cá nhân, khó phát huy tiềm năng của người học.

Tuy nhiên, không có phương pháp nào là hiệu quả như nhau đối với tất cả người học, bởi mỗi con người đều có những thiên hướng, sở trường và có những hạn chế khác nhau theo 8 dạng trí tuệ. Nói cách khác, không có phương pháp nào là vạn năng hay duy nhất để “thức tỉnh” đầy đủ cả 8 dạng trí tuệ. Vì vậy, người dạy cần áp dụng linh hoạt nhiều PPDH khác nhau và phải biết cách lựa chọn phù hợp, phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, có như vậy mới khơi dậy, phát huy tối đa các dạng trí tuệ ở người học.

Các PPDH áp dụng Thuyết đa trí tuệ có thể được sử dụng trong cả môi trường HT chính quy và không chính quy, với bất cứ bậc học và đối tượng người học nào, bao gồm người lớn. Để việc áp dụng này thực sự đạt được hiệu quả, ngoài việc cần có hiểu biết về PPDH tích cực, về các dạng trí tuệ, người dạy còn cần phải hiểu rõ đặc điểm người học của mình để việc sử dụng phương pháp đạt được kết quả mong muốn.

2.2. Áp dụng Thuyết đa trí tuệ trong học tập và giáo dục của người lớn

2.2.1. Đặc điểm học tập của người lớn

Kết quả nghiên cứu và thực tiễn cho thấy, HT và GD người lớn không hoàn toàn khác biệt so với HT và GD trẻ em. Tuy nhiên, do sự khác nhau về độ tuổi, tâm sinh lý, vốn sống, nhu cầu, động cơ HT,... nên việc học của người lớn có những đặc điểm riêng: Người lớn hầu hết là những người có tính độc lập và lòng tự trọng. Họ chủ động trong cuộc sống, sản xuất và cả trong HT. HT của người lớn cũng là một loại hình công việc đặc biệt mà ở đó, họ muốn được đối xử tôn trọng và bình đẳng. Nếu bị ra lệnh, ép buộc, áp đặt thì họ sẽ thờ ơ, thụ động, dễ tự ái, thậm chí cảm thấy bị xúc phạm. Không khí HT tôn trọng, hợp tác, tin tưởng, hỗ trợ, cởi mở, thoải mái và vui vẻ thì người lớn sẽ HT với tinh thần trách nhiệm và tự giác cao. Người lớn có vốn sống và kinh nghiệm phong phú về nhiều mặt của đời sống. Đây là nguồn kiến thức thực tế đa dạng hỗ trợ tích cực cho quá trình HT của người lớn. Hơn nữa, kinh nghiệm là cơ sở để họ khẳng định mình. HT của người lớn không thụ động, luôn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của kinh nghiệm sống và những hiểu biết đã có trước đó [4]. Vì vậy, trong dạy học, người lớn cần khai thác và phát huy vốn kinh nghiệm, hiểu biết của họ, đồng thời thể hiện sự tôn trọng người lớn.

Người lớn học do đòi hỏi của công việc, của các vai trò xã hội mới mà họ đảm nhận. Tùy từng thời kì, vai trò xã hội của người lớn có sự khác nhau và thay đổi. Mỗi vai trò cần những năng lực khác nhau. Do vậy, nhu cầu HT của người lớn rất đa dạng và thay đổi liên tục. Khi đáp ứng được nhu cầu HT của mình, người lớn sẽ HT một cách tự nguyện, tự giác.

Người lớn có mục đích học những gì thiết thực, cần cho

chính họ, vận dụng được ngay. HT của người lớn có mục đích rõ ràng, học cho hôm nay, học để giải quyết những vấn đề hiện tại họ đang gặp phải trong thực tế cuộc sống và công việc của mình. Người lớn tiếp cận việc học theo phương châm “cần gì học nấy”, “học để biết, để làm ngay” [5].

Tuy nhiên, việc HT của người lớn cũng gặp không ít khó khăn, hạn chế. Đó là, kinh nghiệm cá nhân thường làm cho người lớn có tính bảo thủ nhất định, dẫn đến việc họ không sẵn sàng tiếp thu, tìm hiểu cái mới. Tuổi tác, tâm - sinh lý, điều kiện, hoàn cảnh sống... cũng khiến họ dễ mang tâm trạng tự ti, khó tập trung, hoặc không có nhiều thời gian cho việc học. Bên cạnh đó, PPDH người lớn về cơ bản vẫn lạc hậu, chậm đổi mới. Dạy học người lớn ở cộng đồng chủ yếu còn nặng về thuyết trình một chiều, chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức, đôi khi mang tính chất áp đặt. PPDH người lớn vẫn chịu ảnh hưởng của cách dạy học đối với trẻ em, chưa chú trọng sự khác biệt về đặc điểm HT giữa người lớn và trẻ em.

Nghiên cứu của học giả nổi tiếng về GD người lớn và phương pháp sư phạm cho người lớn (andragogy) [6] đã chỉ ra rằng, những rào cản đối với việc học của người lớn sẽ được khắc phục và họ sẽ học tốt hơn khi được trao nhiều hơn quyền tự chủ và sự tham gia trong HT: “Người lớn thường cảm thấy ít sự cam kết, ít gắn bó nếu như một quyết định hay hoạt động nào đó họ cho rằng đang được áp đặt lên họ mà họ không có hoặc có rất ít cơ hội để thay đổi” [6]. Do vậy, để khuyến khích, thúc đẩy người lớn HT thì một trong những cách thức hiệu quả là phải làm sao để họ được tham gia một cách chủ động, tích cực vào chính quá trình HT và GD, để họ làm chủ và theo dõi được việc học của mình.

Chính vì vậy, đổi mới phương pháp trong dạy học người lớn là cần thiết để làm cho việc học của họ thực sự đạt được kết quả mong đợi. Một trong những cách tiếp cận có thể giúp cho PPDH đối với người lớn trở nên sinh động, hấp dẫn và mang tính tham gia cao hơn chính là vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào HT và GD của người lớn.

2.2.2. Vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào học tập và giáo dục của người lớn

Với tính chất đặc thù của mình, Thuyết đa trí tuệ có thể được áp dụng một cách hiệu quả trong HT và GD người lớn, đặc biệt là trong việc đổi mới các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm tạo hứng thú, khai thác tối đa kinh nghiệm, vốn sống và lời cuốn người lớn vào các hoạt động HT.

Cách học theo Thuyết đa trí tuệ rất hiệu quả đối với người lớn bởi vì cách học này có thể giúp họ vận dụng được vốn hiểu biết và kinh nghiệm đa dạng của mình. Vốn hiểu biết, kinh nghiệm là tư liệu thực tế giúp cho quá trình nhận thức của người lớn nhanh hơn, dễ dàng hơn, giúp họ tự tin trong HT.

Tuy nhiên, không phải người lớn nào cũng biết cách khai thác và vận dụng kinh nghiệm của mình. Khi người dạy sử dụng PPDH theo những gợi ý từ Thuyết đa trí tuệ, tạo điều

kiện để học viên người lớn thể hiện được những suy nghĩ, kinh nghiệm HT trước đây của mình, lúc đó họ mới giúp người lớn tự tin hơn và dễ dàng tiếp nhận các thông tin mới.

Việc HT của người lớn có nhiều khó khăn, trở ngại. Vậy làm thế nào để lôi cuốn, gây hứng thú HT cho người lớn? Ngoài nội dung, chương trình đáp ứng được nhu cầu đa dạng của họ, các nguồn lực được đảm bảo... thì PPDH tích cực theo Thuyết đa trí tuệ có thể đóng góp vai trò quan trọng giúp cho việc học của người lớn có hiệu quả cao. Bởi vì, HT của người lớn sẽ thực sự hiệu quả hơn khi họ không phải ngồi một chỗ trong một thời gian dài, chỉ nghe người dạy thuyết trình và không có cơ hội thể hiện mình. Họ HT một cách tự nguyện, chủ động hơn khi bản thân được tự khám phá; thông qua thực hành, giải quyết vấn đề, các tình huống thực tiễn, trao đổi, thảo luận,... Học viên người lớn sẽ quan tâm nhiều hơn đến nội dung HT khi họ được vận dụng những kinh nghiệm, hiểu biết vốn có, được phát huy năng khiếu, trí tuệ của mình, đồng thời họ cũng hứng thú hơn khi có cơ hội khám phá, phát triển các dạng trí tuệ còn ở dạng tiềm năng của bản thân. Ví dụ sau đây sẽ minh họa cho một trong những cách vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong việc thúc đẩy HT của người lớn.

2.2.3. Ví dụ minh họa

Trong một lớp học của người lớn tại trung tâm HT cộng đồng, học viên được giới thiệu về chuyên đề “Ô nhiễm nguồn nước”. Chuyên đề này có các mục tiêu như sau [7]:

- Phân tích được tầm quan trọng của nước đối với cuộc sống;

- Nêu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm nước;

- Trình bày các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm nước và sử dụng tiết kiệm nước;

- Xác định vai trò, trách nhiệm của người dân đối với việc bảo vệ nguồn nước.

Để đạt được các mục tiêu trên của chuyên đề, Hướng dẫn viên (HDV) đã tổ chức việc học có sự vận dụng Thuyết đa trí tuệ như sau:

(1) Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ (hoạt động nhóm là PPDH phù hợp cho việc phát triển loại trí tuệ giao tiếp). Chia nhóm có thể tùy theo lựa chọn của học viên (người học thấy mình có năng khiếu/sở trường về lĩnh vực nào, họ sẽ chọn nhiệm vụ phù hợp với khả năng của mình) hoặc chia theo ngẫu nhiên (mỗi nhóm đều có các dạng trí tuệ khác nhau để người học có cơ hội học hỏi từ người khác).

(2) Giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi nhóm như sau:

Nhóm 1: Viết một đoạn văn ngắn phân tích vai trò của nước đối với cuộc sống (sử dụng trí tuệ ngôn ngữ);

Nhóm 2: Giải bài toán nhỏ về tính số lượng hóa chất cần khi phải xử lý nguồn nước bị ô nhiễm tại cộng đồng (sử dụng trí tuệ logic - toán);

Nhóm 3: Vẽ sơ đồ hình cây thể hiện nguyên nhân, hậu quả của tình trạng ô nhiễm nguồn nước. Dùng màu sắc để minh họa thêm (Ví dụ: Màu nâu/màu đen của rễ cây để chỉ các nguyên nhân; màu vàng của lá úa thể hiện các hậu quả

tiêu cực với con người) (sử dụng trí tuệ không gian);

Nhóm 4: Hát bài hát viết về chủ đề nước, hoặc phổ nhạc/sáng tác một bài hát liên quan đến nước (trí tuệ âm nhạc);

Nhóm 5: Sắm vai thể hiện một tình huống ngắn về chủ đề “Thực trạng ô nhiễm nguồn nước tại địa phương và biện pháp giải quyết” (trí tuệ hình thể, ngôn ngữ,...);

Nhóm 6: Mỗi cá nhân trong nhóm suy ngẫm, nhớ lại bản thân mình đã có những hành động/việc làm cụ thể nào góp phần ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nguồn nước tại gia đình, nơi làm việc (sử dụng trí tuệ nội tâm). (Nếu số người học ít, có thể chia 3, 4 nhóm).

Như vậy, thông qua quá trình làm việc nhóm, mỗi người học có cơ hội phát huy khả năng, sở trường nhất định của mình (phát huy ưu điểm của dạng trí tuệ nổi trội mình có) để giải quyết nhiệm vụ của nhóm, đồng thời học hỏi từ thành viên trong nhóm. Tùy thuộc vào mỗi bài học và nhóm học viên, không nhất thiết phải cùng lúc sử dụng các phương pháp để phát huy đủ cả 8 dạng trí tuệ, mà cần lựa chọn cách thức phù hợp nhất với chủ đề HT và kết hợp các phương pháp với nhau. Hơn nữa, việc chia các nhóm đặc trưng cho mỗi dạng trí tuệ nhưng không có nghĩa nhóm đó chỉ phát huy được duy nhất một loại trí tuệ.

Thông qua tương tác trong nhóm, ngoài dạng trí tuệ nổi trội được sử dụng, các dạng trí tuệ khác cũng có cơ hội để bộc lộ và phát huy. Ví dụ: Trong thảo luận nhóm (phát huy trí tuệ giao tiếp, đồng thời quá trình làm việc nhóm cũng thể hiện dạng trí tuệ ngôn ngữ, nội tâm); Trong nhóm sắm vai (sử dụng trí tuệ hình thể - dùng biểu cảm khuôn mặt, tay chân,... để diễn tả nội dung cần trình bày, song vẫn cần dùng trí tuệ ngôn ngữ để các câu thoại có sức thuyết phục người nghe),... Như vậy, hiệu quả HT sẽ tăng lên khi người dạy vừa biết cách vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong các PPDH đồng thời linh hoạt phối hợp các phương pháp với nhau, tùy thuộc vào đặc điểm lớp học, người học, yêu cầu bài học.

3. Kết luận

Thực tiễn cho thấy, Thuyết đa trí tuệ có ý nghĩa quan trọng trong dạy học và GD nói chung, đặc biệt trong HT người lớn. Học viên người lớn sẽ hứng thú, HT có hiệu quả hơn trong môi trường HT có sự áp dụng Thuyết đa trí tuệ, bởi môi trường và các PPDH đó tạo cho họ sự chủ động, tự do và kích thích tư duy cũng như phát huy vốn sống, trải nghiệm của học viên người lớn. Trong môi trường HT như vậy, người lớn sẽ có điều kiện, cơ hội thể hiện những khả năng riêng có, phát huy và khám phá, bồi dưỡng những dạng trí tuệ còn tiềm ẩn của bản thân, góp phần khắc phục những trở ngại trong HT của họ. Đồng thời, để vận dụng Thuyết đa trí tuệ vào dạy học và GD người lớn, đòi hỏi người dạy phải có hiểu biết cơ bản về thuyết này, biết đặt mình vào vị trí người học để vận dụng lí Thuyết đa trí tuệ một cách có hiệu quả, phù hợp nhất.

Vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong HT và GD người lớn là vấn đề hữu ích và lí thú, song còn ít được quan tâm, nghiên cứu. Thuyết đa trí tuệ không những có thể được

vận dụng trong việc đổi mới PPDH người lớn mà còn ứng dụng được để tác động đến việc đổi mới nhiều yếu tố liên quan khác như xây dựng môi trường lớp học, quản lý lớp học, đánh giá đầu vào, đầu ra... Thuyết đa trí tuệ nếu được áp dụng toàn diện trong dạy học và GD người lớn sẽ

đóng góp hữu ích cho việc thúc đẩy hiệu quả của việc học, giải phóng nguồn năng lượng tiềm ẩn trong mỗi học viên người lớn để giúp họ phát huy tối đa khả năng, sở trường của mình trong HT, cập nhật kiến thức mới phục vụ cho công việc và cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Thị Thu Thủy, (2015), *Ứng dụng thuyết đa Trí tuệ trong việc giảng dạy tiếng Trung tại khoa Đông Phương*, Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Armstrong T, (2011), *Đa trí tuệ trong lớp học* (Lê Quang Long dịch), NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Howard Gardner, (2012), *Lí thuyết trí khôn nhiều thành phần*, dịch giả: Phạm Toàn, Phạm Anh Tuấn hiệu đính, NXB Tri thức.
- [4] Belzer, A, (11/2004), *It's not like normal school" - the role of prior learning context in adult learning*, Adult Education Quarterly, Vol.55, No.1.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Chương trình bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy cho người lớn*, Hà Nội.
- [6] Knowles, M. S., Holton, E., & Swanson, R. A, (2005), *An andragogical process model for learning*, In *The adult learner: The definitive classic in adult education and human resource development*, pp. 115-138, Amsterdam, Boston: Elsevier.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2010), *Chương trình Giáo dục bảo vệ môi trường*.
- [8] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường, (2014), *Lí luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

APPLYING MULTIPLE INTELLIGENCE THEORY IN ADULT LEARNING AND EDUCATION

Bui Thanh Xuan¹, Duong Thi Oanh²

¹ Email: bthanhxuan@gmail.com

² Email: duongthioanh82@gmail.com

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
4 Trinh Hoai Duc, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The theory of multiple intelligence has been applied in education of several countries. A number of schools have been using multiple intelligence as an underpinning framework or principles for their activities. Teachers have been acquiring knowledge and applying this theory in their teaching practice, contributing to the change towards active teaching methods. Each type of intelligence will fit with certain teaching methods. Teachers in multiple intelligence classrooms need to creatively apply and combine the different teaching methods. The application of multiple intelligence is important not only to children, but also to adult learning. Adult learners have specific characteristics in learning styles, learning conditions, thus a relevant application of multiple intelligence in adult learning will help overcome obstacles as well as enhance strengths in adult education and learning.*

KEYWORDS: Multiple intelligence; adult learning and education; teaching methodologies.